

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 09-9-2017
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Hồng Ánh;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vũ Thị Minh Thủy;
2. Ông Nguyễn Đình Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Thủy.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hà Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 231/2017/TLST-HNGĐ ngày 26/06/2017 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 118/2017/QĐST-HNGĐ, ngày 16/8/2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đỗ Thị Tường V, sinh năm: 1987, địa chỉ: Đội 4, thôn H, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt;

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Đức T, sinh năm: 1982, địa chỉ: Thôn L, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. *Tại Đơn khởi kiện ngày 19-06-2017, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Đỗ Thị Tường V trình bày:*

Bà và ông Nguyễn Đức T tự nguyện kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T vào ngày 24 tháng 2 năm 2010. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra nhiều chuyện mâu thuẫn, do tính tình không hòa hợp, vợ

chồng không cùng quan điểm, mỗi người có suy nghĩ trái ngược nhau. Ông T xem thường hạnh phúc gia đình, không có trách nhiệm với con cái, nhiều lần đập phá đồ đạc và đánh đập bà. Vợ chồng không thể chung sống, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Đức T.

Bà và ông T có 02 (hai) con chung là Nguyễn Thanh N, sinh ngày 24/10/2009 và Nguyễn Kỳ D, sinh ngày 25/8/2011, đều đang sống với bà và đang học trường tiểu học T, Bà yêu cầu được nuôi cả hai con, yêu cầu ông Nguyễn Đức T cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Về điều kiện nuôi con của bà và ông T: Bà làm nghề buôn bán, thu nhập khoảng 4.000.000 đồng/tháng, ngoài ra còn làm phụ hồ được 200.000 đồng/ngày. Ông Nguyễn Đức T làm công chức Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

2. Tại bản tự khai ngày 25/7/2017, trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Đức T trình bày:

Ông đồng ý với nội dung trình bày của bà Đỗ Thị Tường V về việc kết hôn và con chung của vợ chồng. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do thái độ ứng xử của bà V không được đúng mực, thường hay cáu gắt ông vô cớ, bà V thường xuyên xưng hô không đúng cách, dùng những lời lẽ khó nghe nên có lúc nóng giận ông có đánh bà V bạt tai hay đá bàn, ghế. Từ đó thái độ của bà V thay đổi, không còn quan tâm đến ông mỗi khi ông đi làm ở B về, không còn lo cơm nước cho ông như trước. Đến tháng 6/2015 bà V yêu cầu sống ly thân nhưng ông không đồng ý, cho đến tháng 11/2016 vì không thể chấp nhận cách đối xử của bà V nên ông bỏ đi sống riêng cho đến nay. Tuy nhiên, ông không đồng ý ly hôn vì ông còn thương vợ con. Ông muốn vợ chồng bỏ qua tất cả để cùng nhau chung sống chăm lo cho các con.

Nếu trong trường hợp bà V nhất quyết ly hôn thì ông yêu cầu được nuôi cả hai con và không yêu cầu bà V cấp dưỡng. Điều kiện nuôi con của ông: Ông làm công chức Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi, mỗi tháng lương của ông là 7.000.000 đồng. Còn nếu bà V nuôi cả hai con, ông không đồng ý cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

3. Tại phiên tòa, kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tuân theo đúng pháp luật tố tụng dân sự về xác định quan hệ pháp luật, tư cách đương sự, thẩm quyền, thời hạn chuẩn bị xét xử, xác minh

thu thập chứng cứ, trình tự, thủ tục phiên tòa; nguyên đơn tuân theo đúng qui định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn không tuân theo đúng qui định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng bị đơn ông Nguyễn Đức T vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thị Tường V và ông Nguyễn Đức T tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T vào năm 2010 nên đây quan hệ hôn nhân hợp pháp. Tuy bà V và ông T trình bày khác nhau về nguyên nhân mâu thuẫn nhưng đều thừa nhận quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng không còn thương yêu, tôn trọng lẫn nhau, vợ chồng đã sống ly thân tháng 11/2016 đến nay. Vì vậy, tuy ông T không đồng ý ly hôn nhưng Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà V.

[2.2] Về con chung: Bà V và ông T có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Thanh N, sinh ngày 24/10/2009 và Nguyễn Kỳ D, sinh ngày 25/08/2011, hiện đang sống với bà V, đang học tại Trường tiểu học T. Ông T và bà V đều có yêu cầu được nuôi con, tuy nhiên xét cháu Nguyễn Thanh N có nguyện vọng sống với mẹ, các cháu hiện nay đang sống với bà V, đang học tại Trường tiểu học T, để bảo đảm điều kiện học tập, sinh hoạt của các cháu không bị xáo trộn nên giao các cháu cho bà V trực tiếp nuôi dưỡng, ông T trình bày thu nhập mỗi tháng 7.000.000 đồng nên buộc ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/02 con/tháng (tức là 1.000.000 đồng/con/tháng) từ tháng 09/2017 cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Bà Đỗ Thị Tường V và ông Nguyễn Đức T không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung và đều trình bày không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Án phí: Bà Đỗ Thị Tường V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về quan hệ hôn nhân; ông Nguyễn Đức T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điều 357 của Bộ luật Dân sự 2015; các Điều 147, 227, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Tường V về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”;

2. Bà Đỗ Thị Tường V được ly hôn ông Nguyễn Đức T;

3. Giao 02 (hai) cháu Nguyễn Thanh N, sinh ngày 24/10/2009 và Nguyễn Kỳ D, sinh ngày 25/08/2011 cho bà Đỗ Thị Tường V trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông Nguyễn Đức T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng (hai triệu đồng)/02 con/tháng (tức là 1.000.000 đồng (một triệu đồng)/con/tháng) từ tháng 09/2017 cho đến khi các con đủ 18 tuổi;

Ông Nguyễn Đức T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở;

4. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án dân sự cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án dân sự còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015;

5. Bà Đỗ Thị Tường V phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) bà V đã nộp theo biên lai thu số AA/2014/0004804 ngày 23/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi;

Ông Nguyễn Đức T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm;

6. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ khi nhận được hoặc niêm yết bản án;

7. Trường hợp có quyết định được thi hành theo quy định tại điều 482 của Bộ luật tố tụng dân sự, điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND TP Q;
- CCTHADS TP Q;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Hồng Ánh